TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HS-PT
Ngày: 21/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hùng;

Ông Đặng Văn Lộc,

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lữ Hồng Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2024/HS-PT, ngày 04 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Chí T cùng đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T, bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo Trần Văn D đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2024/HS-ST, ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Các bị cáo có kháng cáo:

1/ ọHoHọ và tên: **Nguyễn Chí T**, sinh ngày 13/01/2003, tại: huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1980 và bà Trương Thị Thắm E, sinh năm 1980; anh chị em ruột có tất cả 02 người (kể cả bị cáo); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và xin vắng mặt tại phiên tòa.

2/ Họ và tên: **Nguyễn Văn M**, sinh ngày 06/01/1988, tại: huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1960 và bà Trần Thị

Á, sinh năm 1952; anh chị em ruột có tất cả 05 người (kể cả bị cáo); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Trần Văn D**, sinh ngày 17/3/1983, tại: huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957; có vợ Lê Thị Bạch D1, sinh năm 1987; con có 02 người (lớn nhất sinh năm 2018 và nhỏ nhất sinh năm 2019); anh chị em ruột có tất cả 04 người (kể cả bị cáo); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn D: Luật sư Bùi Văn K – Luật sư Công ty L1 - Chi nhánh V.

Địa chỉ: Số A, khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 19 giờ 30 phút ngày 09/01/2024, Đ1 Công an huyện T thực hiện công tác tuần tra đảm bảo an ninh trật tự trên Tỉnh lộ 901 thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, phát hiện đối tượng Nguyễn Chí T, sinh ngày 13/01/2003, trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long đang đi trên đường có biểu hiện nghi vấn nên mời làm việc. Nguyễn Chí T thừa nhận vào ngày 09/01/2024 T sử dụng điện thoại di động Iphone 8 plus màn hình cảm ứng có gắm sim số 07/93.927.060 để bán số lô, số đề cho nhiều người trên địa bàn xã T nên lực lượng chức năng tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ điện thoại của T.

Quá trình điều tra xác định: T bắt đầu bán số lô, số đề vào khoảng tháng 8/2023 cho đến khi phát hiện. Dựa vào kết quả xổ số kiến thiết của các Công ty xổ số các tỉnh miền N, miền T có tất cả 18 lô bao gồm từ giải tám đến giải đặc biệt và Công ty X có 27 lô từ giải bảy đến giải đặc biệt mở thưởng trong ngày. Hàng ngày, T sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus màu trắng có gắn sim số 0793.927.060 để hoạt động bán số lô, số đề cho những người mua trong khu vực xã T. Hình thức bán là bao lô và số đá. Nếu ai có nhu cầu mua số lô, số đề thì gọi điện trực tiếp hoặc nhắn tin (SMS) cho T qua điện thoại nếu đồng ý bán thì T trả lời trực tiếp hoặc nhắn lại "OK". T tự làm thầu đề, trực tiếp chung chi với người mua.

Đối với bao lô có hai cách tính: Nếu người mua số đài miền N và miền T thì chọn hai chữ số tức là chọn kết quả giải tám và hai số cuối của tất cả các giải còn lại hoặc chọn ba chữ số của kết quả từ giải bảy và ba số cuối của tất cả các giải còn lại thì tiền được tính theo tỷ lệ 1/13 (tức là mua 1.000 đồng bao lô thì trả cho T là 13.000 đồng); nếu người mua đài miền B thì chọn hai chữ số tức là chọn kết quả giải bảy và hai số cuối của tất cả các giải còn lại hoặc chọn ba chữ số của kết quả từ giải sáu và ba số cuối của tất cả các giải còn lại thì tiền được tính theo tỷ lệ 1/21 (tức là mua 1.000 đồng bao lô thì trả cho T là 21.000 đồng).

Đối với số đá: Người mua chọn một cặp số, mỗi số có hai chữ số ở cùng một Công ty xổ số miền N và miền T được tính tỷ lệ 1/13 và Công ty X tỷ lệ 1/21.

Sau khi các Công ty xổ số kiến thiết mở thưởng thì T kiểm tra kết quả thắng thua, đối chiếu để tính tiền. Đối với bao lô 02 con thì tỷ lệ trúng là 01 trúng 70, tức mua 1.000 đồng trúng được 70.000 đồng; còn bao lô 03 con và số đá, tỷ lệ trúng là 01 trúng 600, tức mua 1.000 đồng trúng được 600.000 đồng. Trong thời gian từ tháng 8/2023 cho đến ngày 09/01/2024, T bán số lô, số đề cho nhiều người nhưng T chỉ nhớ vào ngày 10/12/2023, ngày 08/01/2024 và ngày 09/01/2024 T đã bán cho các đối tượng với các con số cụ thể như sau:

1/ Trần Văn D, sinh ngày 17/3/1983, trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long:

Ngày 10/12/2023, D tham gia đánh bạc (mua số lô, số đề) với Nguyễn Chí T 02 đài Tiền Giang, Kiên Giang, số tiền 3.600.000 đồng, kết quả D trúng được số tiền 3.500.000 đồng. Số tiền D mua và trúng số lô, số đề các đài miền N là 7.100.000 đồng, T và D đã thanh toán tiền xong.

Ngày 09/01/2024, D tham gia đánh bạc (mua số lô, số đề) với Nguyễn

Chí T các đài miền N, đài miền T như sau:

- Đối với đài miền N: Bạc Liêu, Bến Tre, Vũng Tàu, D đánh bạc số tiền 3.780.000 đồng, kết quả D trúng 2.100.000 đồng. Tổng số tiền D đánh bạc là 5.880.000 đồng.

- Đối với đài miền T: Đắk Lắk, Quảng Nam, D đánh bạc số tiền 3.600.000 đồng, kết quả D trúng số tiền 700.000 đồng. Tổng số tiền D đánh bạc là 4.300.000 đồng.

2/ Nguyễn Văn M, sinh ngày 06/01/1988, trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09/01/2024, M tham gia đánh bạc (mua số lô, số đề) với Nguyễn Chí T các đài miền N, miền T và miền B như sau:

- Đài miền N: 03 đài Bạc Liêu, Bến Tre và Vũng Tàu, M đánh bạc với số tiền là 5.400.000 đồng; kết quả Mừng không trúng.

- Đài miền T: 02 đài Đắk Lắk, Quảng Nam, M tham gia đánh bạc với số tiền 3.600.000 đồng, kết quả M trúng được số tiền 7.000.000 đồng. Tổng số tiền M đánh bạc là 10.600.000 đồng.

- Đài miền B: Mừng tham gia đánh bạc số tiền là 1.350.000 đồng, kết quả M không trúng.

3/ Huỳnh Văn L, sinh ngày 01/01/1970, trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09/01/2024, Lắm tham gia đánh bạc (mua số lô, số đề) với Nguyễn Chí T các đài miền N, miền B như sau:

- Đài miền N: Lắm tham gia đánh bạc số tiền 1.440.000 đồng; kết quả Lắm trúng số tiền là 4.200.000 đồng. Tổng số tiền Lắm đánh bạc là 5.640.000 đồng.

- Đài miền B: Lắm tham gia đánh bạc số tiền là 1.620.000 đồng.

Như vậy, số tiền Nguyễn Chí T dùng vào việc đánh bạc ngày 09/01/2024 đài miền N là 24.500.000 đồng (hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), đài miền T2 là 18.460.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) và đài miền B là 7.390.000 đồng (bảy triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Ngoài ra, vào ngày 10/12/2023 bị cáo bán cho Trần Văn D đài miền N với số tiền mua và trúng là 7.100.000 đồng (bảy triệu một trăm nghìn đồng); ngày 08/01/2024 bán cho Nguyễn Văn H1 đài miền N số tiền là 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), đài miền B số tiền là 810.000 đồng (tám trăm mười nghìn đồng).

Nguyễn Chí T khai nhận bắt đầu bán số lô, số đề vào khoảng tháng 08/2023. Ngoài những ngày 10/12/2023, 08/01/2024 và 09/01/2024 thì T không nhớ rõ thời gian cụ thể, con số, số tiền và không nhớ những người mua những ngày còn lại nhưng chỉ nhớ thu lợi bất chính số tiền khoảng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Tại Cáo trạng số: 42/CT-VKSTÔ ngày 18/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố các bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn M, Trần Văn D và Huỳnh Văn L phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2024/HS-ST, ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn M, Trần Văn D và Huỳnh Văn L phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Chí T nộp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

2.2/ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Văn M nộp 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

2.3/ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Trần Văn D nộp 15.000.000

đồng (Mười lăm triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Văn L, quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22/8/2024, bị cáo Nguyễn Chí T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 26/8/2024, bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và miễn hình phạt bổ sung.

Ngày 26/8/2024, bị cáo Trần Văn D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngày 20/11/2024, bị cáo Nguyễn Chí T đã có đơn xin rút đơn kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 21/11/2024.

Bị cáo Trần Văn D vẫn giữ nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Căn cứ xin được hưởng án treo: Bị cáo sống chung với cha mẹ già, vợ bị cáo làm công việc nội trợ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có ông nội Trần Văn H2 là liệt sĩ. Bị cáo Nguyễn Văn M xin được hưởng án treo. Căn cứ xin được hưởng án treo: Cha mẹ bị cáo mất khả năng lao động, bị cáo là lao động chính, đất vườn chuẩn bị canh tác lại, bị cáo xin rút kháng cáo về việc yêu cầu xem xét miễn hình phạt bổ sung. Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy, bị cáo Nguyễn Chí T đã có đơn xin rút đơn kháng cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đúng nội dung vụ án, cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm đã xém xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo và quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T; đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo miễn hình phạt bổ sung của bị cáo Nguyễn Văn M; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Văn D, bị cáo Nguyễn Văn M, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2024/HS -ST, ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long về hình phạt tù đối với các bị cáo.

Các bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Văn M phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn D trình bày lời bào chữa: Số tiền bị cáo tham gia đánh bạc ngày 09/01/2024 không đủ định lượng để truy tố nên bị

cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có ông nội Trần Văn H2 là liệt sĩ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Trần Văn D xin xem xét cho cáo bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Văn M xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án vào ngày 13/8/2024, ngày 22/8/2024, ngày 26/8/2024 các bị cáo có kháng cáo, kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ theo quy định tại Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, nên được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm về diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định:

Từ ngày 10/12/2023 đến ngày 09/01/2024, Nguyễn Chí T bán số lô, số đề cho các bị cáo Trần Văn D, Nguyễn Văn M và nhiều người trên địa bàn xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Số tiền các bị cáo đánh bạc vào ngày 09/01/2024 đài miền N số tiền là 24.500.000 đồng, đài miền T là 18.460.000 đồng, đài miền B là 7.390.000 đồng; ngày 10/12/2023, đài miền N là 7.100.000 đồng;

Bị cáo Trần Văn D tham gia đánh bạc ngày 10/12/2023 đài miền N số tiền là 7.100.000 đồng; ngày 09/01/2024 đài miền N số tiền là 5.880.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn M tham gia đánh bạc ngày 09/01/2024 đài miền N số tiền là 5.400.000 đồng; đài miền T số tiền là 10.600.000 đồng.

Các bị cáo Nguyễn Chí T, Trần Văn D, Nguyễn Văn M đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bởi lẽ, đánh bạc là tệ nạn thường

xuyên dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc thắng, thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, trên cơ sở đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 09 (chín) tháng tù, các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Văn D mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Văn M xin được hưởng án treo, bị cáo Trần Văn D xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Nguyễn Chí T đã có đơn xin rút đơn kháng cáo đề ngày 20/11/2024. Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T.

Bị cáo Trần Văn D kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ. Xét, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp số tiền là 10.880.000 đồng để khắc phục vi phạm nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu ông nội bị cáo Trần Văn H2 là liệt sĩ, xác nhận gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn. Xét, những tình tiết bị cáo cung cấp tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử quyết định xem xét đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn M kháng cáo xin được hưởng treo và miễn hình phạt bổ sung. Xét, trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo có đơn xin thi hành hình phạt bổ sung. Ngày 13/11/2024, bị cáo đã nộp số tiền hình phạt bổ sung là 15.000.000 đồng, bị cáo rút kháng cáo về việc xin miễn hình phạt bổ sung. Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo miễn hình phạt bổ sung của bị cáo. Xét, yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo: Nhận thấy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo đã nộp số tiền là 10.300.000 đồng để khắc phục vi phạm nên được hưởng các tình tiết

giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo tự nguyện thi hành hình phạt bổ sung số tiền là 15.000.000 đồng, đây là nghĩa vụ của bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định xem xét đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[5] Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1/ Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về hình phạt của bị cáo Nguyễn Chí T.

2/ Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo miễn hình phạt bổ sung của bị cáo Nguyễn Văn M.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo Trần Văn D.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2024/HS-ST, ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn M, bị cáo Trần Văn D.

1/ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

Áp dụng hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Văn M nộp 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) vào ngân sách Nhà nước được trừ vào số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số

0005086 ngày 13/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo đã nộp xong, không phải nộp thêm.

2/ Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, Điều 17, Điều 38; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ điểm b, điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Chí T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn M, Trần Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
-TANDTC (01);
-TANDCC (01);
-VKSNDCC (01);
-VKSND.TVL (01);
-TAND.HTÔ (02);
-VKSND. HTÔ (01);
-CQTHAHS.HTÔ (01);
-CQTHADS.HTÔ (01);
-Trại TG.TVL (01);
- Bị cáo;
-Phòng HSCATVL (01);
-Sở TPTVL 01);
-UBND xã nơi bị cáo cư trú;
-Lưu: HS, KTNV, TNV;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Duy Mỹ Ngọc